

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 22-23

Môn học/Nhóm **Bóng đá 2 - 02**
CBGD **Trương Quang Minh**

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Đ.QT	Đ.THI	Đ.HP	Ghi chú
1	2121260048	Nguyễn Tuấn Anh	26/11/2003	CCQ2126B	9.5	8.5	7.0	7.7	6.0	6.7	
2	2121150059	Bùi Ngọc Bảo	08/07/2003	CCQ2115B	7.5	8.5	6.0	6.7	4.0	5.1	
3	2121260028	Nguyễn Quốc Bảo	27/10/2003	CCQ2126A	9.5	9.5	7.0	7.8	10.0	9.1	
4	2121120129	Vô Văn Bình	19/04/2003	CCQ2112D	9.5	10.0	7.9	8.5	6.0	7.0	
5	2121030005	Hồ Lê Cảnh	10/12/2003	CCQ2103A	7.5	8.5	5.0	6.0	10.0	8.4	
6	2121150032	Lê Văn Cường	28/09/2003	CCQ2115A	7.0	8.5	6.0	6.6	4.0	5.0	
7	2121150029	Trương Công Diên	02/12/2002	CCQ2115A	8.5	9.0	5.0	6.3	6.0	6.1	
8	2121170201	Bùi Vũ Duy	07/06/2003	CCQ2112R	9.0	9.0	6.9	7.6	6.0	6.6	
9	2121260006	Phan Chấn Duy	20/04/2002	CCQ2126A	7.0	8.5	7.0	7.3	9.0	8.3	
10	2121120605	Đỗ Thị Mỹ Duyên	02/01/2003	CCQ2112R	9.5	10.0	7.0	7.9	8.0	8.0	
11	2121260033	Đào Quang Dương	19/01/2002	CCQ2126A	9.5	8.5	7.0	7.7	8.0	7.9	
12	2120180039	Nguyễn Đình Dương	17/04/2002	CCQ2018B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
13	2119170375	Nguyễn Quốc Hải	04/09/2000	CCQ1917L	7.0	8.5	7.0	7.3	6.0	6.5	
14	2121150057	Tạ Quang Hải	11/10/2002	CCQ2115B	5.5	7.0	5.0	5.4	5.0	5.2	
15	2121120404	Nguyễn Xuân Đồng	24/11/2003	CCQ2112L	7.0	9.0	7.0	7.3	4.0	5.3	
16	2121150046	Nguyễn Công Đức	25/01/2003	CCQ2115B	7.5	8.5	5.0	6.0	8.0	7.2	
17	2121120071	Trần Văn Đức	20/01/2003	CCQ2112C	5.0	7.0	7.0	6.7	7.0	6.9	
18	2120050110	Phạm Công Hậu	30/08/2002	CCQ2005D	5.0	7.0	6.6	6.4	8.0	7.4	
19	2121170683	Nguyễn Trọng Hiếu	09/07/2003	CCQ2117Q	8.0	10.0	6.6	7.4	5.0	6.0	
20	2121150008	Nguyễn Văn Hòa	20/10/2003	CCQ2115A	9.0	9.0	6.0	7.0	6.0	6.4	
21	2121120570	Trần Đỗ Huy Hoàng	30/11/2002	CCQ2112Q	8.0	9.0	6.6	7.2	8.0	7.7	
22	2120170572	Nguyễn Công Huân	07/07/2002	CCQ2017Q	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
23	2121150009	Đào Duy Huy	28/03/2003	CCQ2115A	8.5	9.0	6.0	6.9	4.0	5.2	
24	2121150011	Hoàng Đức Huy	09/05/2003	CCQ2115A	7.5	8.5	5.0	6.0	6.0	6.0	
25	2121170612	Trần Ngọc Gia Huy	06/02/2003	CCQ2117R	8.0	9.5	6.6	7.3	4.0	5.3	
26	2121150002	Vô Nhật Huy	11/10/2003	CCQ2115A	10.0	9.5	5.0	6.6	10.0	8.6	
27	2121120459	Thành Việt Hưng	03/06/2003	CCQ2112N	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
28	2120170776	Lê Văn Hường	18/11/2001	CCQ2017J	7.0	8.5	6.0	6.6	5.0	5.6	
29	2121150052	Lưu Đức Khang	10/06/2003	CCQ2115B	5.0	8.0	6.6	6.6	4.0	5.0	
30	2121150036	Phạm Đăng Khoa	22/07/2003	CCQ2115B	9.5	9.5	7.0	7.8	4.0	5.5	
31	2120120645	Nguyễn Tuấn Kiệt	16/11/2002	CCQ2012E	7.0	7.0	6.9	6.9	5.0	5.8	
32	2121170324	Trần Ngọc Lánh	26/01/2003	CCQ2117J	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
33	2120170503	Nguyễn Đức Lộc	22/09/2002	CCQ2017O	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
34	2121150026	Trần Bảo Lợi	03/02/1996	CCQ2115A	9.0	9.0	6.0	7.0	6.0	6.4	
35	2121150023	Trần Hàn Sĩ Luân	13/10/2003	CCQ2115A	8.0	9.5	6.0	6.9	6.0	6.4	
36	2121150034	Lê Huỳnh Công Mên	02/10/2003	CCQ2115A	10.0	9.5	6.0	7.3	5.0	5.9	
37	2121170596	Nguyễn Công Minh	08/07/2003	CCQ2117R	9.5	9.5	6.9	7.8	4.0	5.5	
38	2121030158	Trần Thế Mỹ	04/02/2003	CCQ2103A	8.5	10.0	5.0	6.4	8.0	7.4	
39	2121120223	Nguyễn Tiến Nam	07/10/2002	CCQ2112G	8.5	8.5	7.0	7.5	6.0	6.6	
40	2121260030	Trần Tùng Nguyên	13/11/2002	CCQ2126A	8.5	8.5	7.0	7.5	5.0	6.0	
41	2121170325	Mai Trúc Nhã	22/03/2003	CCQ2117J	7.0	8.5	6.6	7.0	7.0	7.0	
42	2121150048	Phan Thành Nhân	18/10/2003	CCQ2115B	7.0	8.5	7.0	7.3	4.0	5.3	
43	2121150049	Trần Danh Nhân	27/02/2003	CCQ2115B	7.0	8.5	7.0	7.3	9.0	8.3	
44	2121150037	Đào Minh Phước	29/06/2002	CCQ2115B	10.0	9.0	6.0	7.2	6.0	6.5	
45	2121030115	Trương Duy Phước	01/05/2003	CCQ2103D	7.0	8.5	7.0	7.3	5.0	5.9	
46	2121150020	Đặng Minh Phương	15/11/2003	CCQ2115A	10.0	10.0	7.0	8.0	6.0	6.8	
47	2120120623	Phạm Vũ Minh Quân	05/05/2001	CCQ2012R	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
48	2121030048	Nguyễn Văn Sĩ	10/01/2003	CCQ2103B	9.0	8.5	6.9	7.5	9.0	8.4	
49	2121120152	Trần Văn Tài	17/09/2003	CCQ2112E	8.5	9.0	7.0	7.6	6.0	6.6	
50	2121120113	Hồ Công Thạch	22/12/2000	CCQ2112D	5.0	6.0	7.0	6.5	7.0	6.8	
51	2121150047	Đào Duy Thái	24/11/2003	CCQ2115B	8.5	9.0	5.0	6.3	7.0	6.7	
52	2121150027	Vũ Nguyễn Nhật Thanh	16/12/2000	CCQ2115A	7.5	8.5	6.0	6.7	4.0	5.1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Đ.QT	Đ.THI	Đ.HP	Ghi chú
53	2121150045	Võ Quốc Thắng	30/11/2003	CCQ2115B	5.0	8.0	6.6	6.6	8.0	7.4	
54	2121030162	Dương Quang Thụy	20/08/2002	CCQ2103D	7.0	8.5	7.0	7.3	4.0	5.3	
55	2121120174	Nguyễn Thị Anh Thư	23/10/2003	CCQ2112E	10.0	10.0	7.0	8.0	8.0	8.0	
56	2121150021	Nguyễn Kim Tiến	15/09/2003	CCQ2115A	5.5	8.0	5.0	5.6	5.0	5.2	
57	2121150041	Nguyễn Hữu Tôn	14/12/2003	CCQ2115B	7.0	8.5	7.0	7.3	4.0	5.3	
58	2121120621	Đỗ Ngọc Trâm	28/08/2003	CCQ2112R	5.0	8.5	7.0	6.9	5.0	5.8	
59	2120110065	Cao Trần Trung	02/02/2002	CCQ2011B	9.0	9.0	6.9	7.6	5.0	6.0	
60	2121030069	Phan Quốc Trung	06/01/2003	CCQ2103B	9.5	9.5	6.9	7.8	7.0	7.3	
61	2121120121	Nguyễn Thanh Tuấn	25/07/2002	CCQ2112D	7.0	7.5	6.9	7.0	4.0	5.2	
62	2120030102	Trần Thanh Tùng	16/05/2002	CCQ2003C	7.0	8.0	6.5	6.8	4.0	5.1	
63	2121120496	Tạ Thị Thanh Tuyền	30/12/2003	CCQ2112O	9.5	9.5	7.0	7.8	5.0	6.1	
64	2121150010	Nguyễn Quốc Văn	01/12/2003	CCQ2115A	8.5	9.0	5.0	6.3	7.0	6.7	
65	2119210098	Nguyễn Trung Việt	05/06/2000	CCQ1921B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
66	2121150053	Trần Trung Vĩnh	23/05/2003	CCQ2115B	8.0	9.5	6.6	7.3	4.0	5.3	
67	2121150055	Phạm Văn Vũ	18/06/2002	CCQ2115B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
68	2121150015	Trần Xuân Vũ	27/08/2003	CCQ2115A	7.0	8.5	7.0	7.3	4.0	5.3	
69	2121120251	Nguyễn Song Hoài Vỹ	01/11/2003	CCQ2112H	9.5	10.0	7.0	7.9	7.0	7.4	

TPHCM , ngày 29 tháng 10 năm 2022

$\text{Đ.QT} = ((\text{BP.1} + \text{BP.2})/2 + \text{BP.3} * 2)/3$
 $\text{Đ.HP} = \text{Đ.QT} * 0.4 + \text{Đ.THI} * 0.6$
 $\text{Đ.HP} \geq 5$ ĐẠT ; $\text{Đ.HP} < 4.9$ KHÔNG ĐẠT